PHỤ LỤC

(Kèm theo Quyết định số 4557 /QĐ-UBND ngày 05 / 10 /2026 của UBND tỉnh)

PHỤ LỤC GIAO THÔNG

Bảng tổng hợp hệ thống giao thông

TT	Tên Đường	Mặt cắt	Lộ giới (m)	Chiều rộng Đường (m)			
				Mặt Đường	Phạm vi đường gom	Vỉa hè	Dải phân cách
A	**Giao thông đối ngoại**						
I	**Đường cấp đô thị**						
1	Đường An Thới - Cửa Lấp (DT-975)	2-2	62	19,5x2	12x2	4x2	15
			62	19,5x2	12+8,5	4x2	15
			62	19,5x2	8,5x2	4x2	15
2	Đường ĐT975 (Tuyến nhánh)	15-15	18	5x2	-	4x2	-
3	Đường ĐT 973	3-3	60	17,5x2	-	5x2	15
		3-3	60	12,5x2	-	10x2	15
4	Đường TT3 - Nhánh phụ	4-4	36	11,5x2	-	5x2	3
5	Đường Trần Hưng Đạo	7-7	30	8,5x2	-	5x2	3
B	**Giao thông đối nội**						
I	**Đường cấp đô thị**						
1	Đường Đại Lộ APEC	1-1	68	16,5x2	-	10x2	15
2	Đường D6.1	4-4	36	10,5x2	-	5,5x2	4
		14-14	24	8x2	-	4x2	-
3	Đường N7	7-7	30	10x2	-	5x2	-
4	Đường NT15-D1	8-8	28	9x2	-	5x2	-
5	Đường N20	8-8	28	9x2	-	5x2	-
II	**Đường cấp khu vực**						
1	Đường D34	4-4	36	13x2	-	5x2	-
2	Đường N39ABD	8-8	28	11x2	-	3x2	-
3	Đường N39	6-6	31	11x2	-	4,5x2	-
4	Đường AMALFI	9-9	21,5	7+6,5	-	4x2	-
		9-9	21	7,5x2	-	3x2	-
		9-9	20,5	7+6,5	-	3+4	-
		9-9	18	5,5x2	-	3+4	-
		9-9	16,5	5,25x2	-	3x2	-
5	Đường N9-AT	10-10	26	9x2	-	4x2	-
6	Đường AT 42	10-10	26	6,5x2	-	6,5x2	-
7	Đường Cáp Treo	12-12	25	8,5x2	-	4x2	-
		16-16	20	5,5x2	-	4,5x2	-
8	Đường AT 39	13-13	24,5	5,25x2	-	7x2	-

TT	Tên Đường	Mặt cắt	Lộ giới (m)	Chiều rộng Đường (m)			
				Mặt Đường	Phạm vi đường gom	Vỉa hè	Dải phân cách
9	Đường N19ND 1	14-14	24	8x2	-	4x2	-
10	Đường DH-11	14-14	24	8x2	-	4x2	-
11	Đường N19	14-14	24	8x2	-	4x2	-
12	Đường N19ND	14-14	24	8x2	-	4x2	-
13	Đường D6	14-14	24	8x2	-	4x2	-
14	Đường D4	14-14	24	8x2	-	4x2	-
		16-16	20	5x2	-	5x2	-
15	Đường AT 37	9-9	20,5	6,5x2	-	3,75x2	-
16	Đường N24	16-16	20	5x2	-	5x2	-
17	Đường N9	16-16	20	6x2	-	4x2	-
18	Đường D36	16-16	20	5x2	-	5x2	-
19	Đường N30	16-16	20	6x2	-	4x2	-
20	Đường Phùng Hưng	16-16	20	6x2	-	4x2	-
21	Đường Nguyễn Trường Tộ	5-5	32	11x2	-	5x2	-
		16-16	20	6x2	-	4x2	-
22	Đường Nguyễn Văn Cừ	16-16	20	6x2	-	4x2	-
23	Đường D5	16-16	20	6x2	-	4x2	-
			19	6x2	-	4+3	
24	Đường D3	9-9	20,5	5,25x2	-	5x2	-
		16-16	20	6x2	-	4,75x2	-
25	Đường DN6	21-21	16	5x2	-	3x2	-
26	Đường N14ND	16-16	20	5x2	-	5x2	-
27	Đường N39KES	16-16	20	6,5x2	-	3,5x2	-
		11-11	22,5	7,75X2	-	3,5x2	-
28	Đường Hồ Thị Nghiêm 1	22-22	15	3,5x2	-	4x2	-
29	Đường N5.1	16-16	20,5	7,5x2	-	3,75x2	-
30	Đường AT 18	16-16	20	5x2	-	5x2	-
31	Đường N39 PLT	16-16	20	6x2	-	4x2	-
32	Đường N8-AT	5A-5A	32	10x2	-	5x2	2
III	**Đường cấp nội bộ**						
1	Đường D5.1	14-14	24	6x2	-	6x2	-
2	Đường N27-M	14-14	24	8x2	-	4x2	-
3	Đường N1	9-9	20,5	5,25x2	-	5x2	-
4	Đường AT 41	13-13	24,5	5,25x2	-	7x2	-
5	Đường NB1	16-16	20	6x2	-	4x2	-
6	Đường N4-AT	16-16	20	6x2	-	4x2	-
7	Đường N4-AT1	16-16	20	6x2	-	4x2	-
8	Đường N22-M	16-16	20	6x2	-	4x2	-
			19	6x2	-	3+4	-
9	Đường D6.2	17-17	19,5	4,75x2	-	5x2	-

TT	Tên Đường	Mặt cắt	Lộ giới (m)	Chiều rộng Đường (m)			
				Mặt Đường	Phạm vi đường gom	Vỉa hè	Dải phân cách
10	Đường D6.3	17-17	19,5	4,75x2	-	5x2	-
		20-20	13,5	3,5x2	-	3,25x2	-
11	Đường D0-AT 1	18-18	19	6,5x2	-	3x2	-
12	Đường D5.4	19-19	17,5	5x2	-	3,75x2	-
13	Đường D3.1	20-20	16,5	4,75x2	-	3+4	-
14	Đường D26	20-20	13,5	3,75x2	-	3x2	-
		20-20	11,2	4,4x2	-	1,3+1,1	-
		20-20	9,9	3,75x2	-	1,3+1,1	-
15	Đường Hoa Sứ	20-20	13,5	3,75x2	-	3x2	-
16	Đường D4SS	20-20	13,5	3,75x2	-	3x2	-
17	Đường D4.1	20-20	13,5	3,75x2	-	3x2	-
18	Đường N10	20-20	13,5	3,75x2	-	3x2	-
19	Đường Milan	20-20	13,5	3,75x2	-	3x2	-
20	Đường D25	20-20	13,5	3,75x2	-	3x2	-
21	Đường DN4	24-24	13	3,5x2	-	3x2	-
22	Đường số 126	24-24	13	3,5x2	-	3x2	-
23	Đường D5.2	24-24	13	3,5x2	-	3x2	-
24	Đường NT7-N1	24-24	13	3,5x2	-	3x2	-
25	Đường số 43	24-24	13	3,5x2	-	3x2	-
26	Đường N49	24-24	13	3,5x2	-	3x2	-
27	Đường N19.1	24-24	13	3,5x2	-	3x2	-
28	Đường AT 15	24-24	13	3,5x2	-	3x2	-
29	Đường N19.2	24-24	13	3,5x2	-	3x2	-
30	Đường 1	24-24	13	3,5x2	-	3x2	-
31	Đường 2	24-24	13	3,5x2	-	3x2	-
32	Đường N37	24-24	13	3,5x2	-	3x2	-
33	Đường Phạm Ngọc Thạch	24-24	13	3,5x2	-	3x2	-
34	Đường Lê Quý Đôn	24-24	13	3,5x2	-	3x2	-
35	Đường N0-AT	24-24	13	3,5x2	-	3x2	-
36	Đường N16	24-24	13	3,5x2	-	3x2	-
37	Đường D2 AT	24-24	13	3,5x2	-	3x2	-
38	Đường NT8-D1	24-24	13	3,5x2	-	3x2	-
39	Đường D34.1	24-24	13	3,5x2	-	3x2	-
40	Đường AT 1	24-24	13	3,5x2	-	3x2	-
41	Đường N41	24-24	13	3,5x2	-	3x2	-
42	Đường Số 17	24-24	13	3,5x2	-	3x2	-
43	Đường N43	24-24	13	3,5x2	-	3x2	-
44	Đường AT 28	26-26	11	3,5x2	-	2x2	-
45	Đường D3.2	26-26	11	3,5x2	-	2x2	-
46	Đường D2	26-26	11	3,5x2	-	2x2	-

TT	Tên Đường	Mặt cắt	Lộ giới (m)	Chiều rộng Đường (m)			
				Mặt Đường	Phạm vi đường gom	Vỉa hè	Dải phân cách
47	Đường số 1	20-20	13,5	3,75x2	-	3x2	-
48	Đường N14	24-24	13	3,5x2	-	3x2	-
49	Đường D5.3	24-24	13	3,5x2	-	3x2	-
50	Đường D0-AT2	20-20	13,5	3,75x2	-	3x2	-
51	Đường Hồ Thị Nghiêm 2	16-16	20	6,5x2	-	3,5x2	-
		24-24	13	3,5x2	-	3x2	-
52	Đường Hồ Thị Nghiêm 3	24-24	13	3,5x2	-	3x2	-
53	Đường AT 40	9-9	20,5	6,5x2	-	3,75x2	-
54	Đường D0-AT	16-16	20	5x2	-	5x2	-